TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST Ngày: 13-12-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân.

Ông Nguyễn Văn Hoành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172 A/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân N, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Diệu L, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân N, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2023 nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Diệu L có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường cải vả dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, đã ly thân nhau, anh T yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có một con tên Nguyễn Thị Diệu N, sinh ngày 21/9/2011 hiện sống với chị L, anh đồng ý giao con cho chị L nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Phạm Thị Diệu L có lời trình bày:

Chị thống nhất với anh T về quan hệ hôn nhân, con chung có 01 người tên Nguyễn Thị Diệu N, sinh ngày 21/9/2011, vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm nhau, chị đồng ý ly hôn đối với anh T, con chị xin nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh T được ly hôn với chị L. Về con chung Nguyễn Thị Diệu N, giao cho chị L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi do cháu N sống với chị L đã ổn định vật chất, tinh thần, cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh T yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Diệu L. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy trích lục số 405/TLKH-BS, ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã Lâm T xác định anh T và chị L đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của anh T và chị L trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên ly thân với nhau. Sau ly thân, vợ chồng không còn quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho nhau, không còn tình thương yêu vợ chồng. Anh T yêu cầu ly hôn thì chị L cũng đồng ý ly hôn. Mặt khác, trong thời gian vợ chồng ly thân, mạnh người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh T xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung, chị L và anh T đều đồng ý giao con cho chị L nuôi, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định*"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;..."*. hiện cháu N sống với chị L đã ổn định về vật chất, tinh thần, cháu N có nguyện vọng sống với chị L, nên thỏa thuận của anh T và chị L hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật. Nên Hội đồng xét xử giao con cho chị L nuôi là có căn cứ pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị L không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L trình bày không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh T người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Phạm Thị Diệu L.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị Diệu L được quyền nuôi con tên Nguyễn Thị Diệu N, sinh ngày 21/9/2011đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Minh T chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008301 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, anh T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Lâm T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Nam